

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018 DS-ST

Ngày: 28 - 02 - 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Khánh.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thái Hòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số: 112/2017/TLST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**Đồng nguyên đơn:**

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1958 – Có mặt.

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1956 (*Có bà Lê Thị N đại diện theo giấy uỷ quyền ngày 22/8/2017*) – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 07, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

**Đồng bị đơn:**

- Ông Đào Văn G, sinh năm 1983 – vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1989 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Khoảng tháng 01 năm 2017 vợ chồng ông Đào Văn G, bà Nguyễn Thị B có đến nhà bà hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) khi vay có làm biên nhận nợ ngày 20/01/2017 do ông G và bà B cùng ký xác nhận, thời gian trả là 02 tháng không tính lãi, sau 02 tháng ông G và bà B không trả, bà nhiều lần gặp trực tiếp ông G và bà B yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông G, bà B cứ hẹn đến nay không trả. Nay bà yêu cầu ông G, bà B trả một lần số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Văn G trình bày:*

Ông thừa nhận khoảng tháng 01 năm 2017 vợ chồng ông có đến nhà bà N hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thời hạn trả là 02 tháng, khi vay ông và bà B có viết biên nhận nợ ngày 20/01/2017 và cùng ký tên.

Đối với bà B ông cho rằng hiện tại đi làm công nhân trong công ty ở Sài Gòn, ông không rõ địa chỉ. Ông cũng thường xuyên liên lạc với bà B qua số điện thoại báo rằng ông T, bà N khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn yêu cầu vợ chồng trả số tiền vay 50.000.000 đồng và có thông báo cho bà B biết về việc có nhận thay các văn bản tố tụng mà Tòa án triệu tập nhưng bà B nói rằng do làm công nhân xin nghỉ rất khó khăn, cố gắng làm có tiền về trả nợ.

Do làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình hiện tại rất khó khăn, ông ở nhà nuôi 02 con nhỏ, bà B đi làm gửi tiền về hàng tháng đủ để nuôi con do vậy ông xin trả hàng tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho đến khi đủ số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà lần thứ nhất, nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Thẩm phán: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt là không tuân thủ quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà N buộc ông G, bà B trả số tiền 50.000.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đào Văn G và bà Nguyễn Thị B, ông G và bà B cư trú tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35, và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho đồng bị đơn ông Đào Văn G và bà Nguyễn Thị B. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đào Văn G và bà Nguyễn Thị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 20/01/2017 ông T và bà N có cho vợ chồng ông G và bà B vay 50.000.000 đồng là thực tế, có thật, bởi lẽ khi nhận tiền ông G và bà B có làm biên nhận nợ, tại bản tự khai và biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 14/12/2017 ông G thừa nhận vợ chồng ông và bà B có vay 50.000.000 đồng của bà N và ông T.

Trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị N yêu cầu ông Đào Văn G và bà Nguyễn Thị B trả số tiền vay là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần lãi.

Đối với biên nhận nợ ngày 20/01/2017 ông G thừa nhận ông và vợ là bà B viết và ký tên vay số tiền 50.000.000 đồng của bà N và ông T, thời gian trả là hai tháng không tính lãi, sau hai tháng bà N và ông T yêu cầu ông G, bà B thanh toán nợ nhưng đến nay ông G, bà B chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó

bà N và ông T khởi kiện yêu cầu ông G và bà B trả số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Bà N yêu cầu ông G, bà B trả ngay số tiền 50.000.000 đồng, ông G yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) đến khi trả xong số tiền là 50.000.000 đồng. Yêu cầu của ông G không được bà N chấp nhận và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở xem xét, như vậy ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu của bà N được xem xét chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông G và bà B vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do vậy ông G, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, khoản 1 Điều 35 khoản 1 Điều 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị N.

Buộc ông Đào Văn G và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị N số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Văn G và bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số: TU/2015/0012039 ngày 28/6/2017 của Chi cục thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Văn Khánh**

